

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ N
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **18/2017/DS-ST**
Ngày 20/4/2017
V/v “*Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ N, TỈNH KHÁNH HÒA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Hương
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Lê Văn Lưỡng
Bà Bùi Thị Truyền
- *Thư ký phiên toà:* Bà Huỳnh Thị Thuý Kiều– Thư ký Toà án, Toà án nhân dân thị xã N, tỉnh Khánh Hoà.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã N tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Xuân A – Kiểm sát viên.

Ngày 20/4/2017, tại trụ sở Toà án nhân dân thị xã N xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 240/2016/TLST-DS ngày 21/11/2016 về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2017/QĐXX-ST ngày 17/3/2017 và quyết định hoãn phiên toà số 15/2017/QĐST-DS ngày 04/4/2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông **Đ** – sinh năm 1936
Địa chỉ: Thôn M, xã N.P, thị xã N, tỉnh Khánh Hoà.
Ông Đ uỷ quyền cho ông T – sinh năm 1977
Địa chỉ: Thôn M, xã N.P, thị xã N, tỉnh Khánh Hoà.
Có mặt tại phiên toà
- *Bị đơn:* Ông **V** – sinh năm 1966
Bà **L** – sinh năm 1968
Địa chỉ: Thôn M, xã N, thị xã N.P, tỉnh Khánh Hoà.
Vắng mặt tại phiên toà

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 20/9/2016, bản tự khai và tại phiên toà, đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn ông T trình bày:

Ngày 05/9/2015, vợ chồng ông V và bà L có vay của ông Đ số tiền 50.000.000 đồng để kinh doanh. Vợ chồng ông T có thể chấp 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00828 QSDĐ/5110541 do UBND huyện N cấp ngày 20/7/2004. Hai bên thoả thuận thời hạn vay một năm, lãi suất 2.500.000 đồng/tháng. Ngày 22/11/2015, ông T tiếp tục vay của ông Đ 20.000.000 đồng, thời gian trả và lãi suất cũng như trên. Tuy nhiên sau đó

vợ chồng ông T không trả tiền lãi và gốc như thoả thuận. Nay ông yêu cầu vợ chồng ông T trả cho ông Đ 70.000.000 đồng tiền gốc, không yêu cầu tính lãi suất.

Ông V và bà L đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt nên không có lời khai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã N phát biểu ý kiến: Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ và lời khai của ông T thể hiện, ngày 05/9/2015, vợ chồng ông V và bà L cùng ký vào giấy vay tiền, vay của ông Đ số tiền 50.000.000 đồng để kinh doanh, ngày 22/11/2015, ông T vay tiếp 20.000.000 đồng chỉ có ông T ký nhận nợ. Tại phiên tòa, ông T và bà L vắng mặt nên không xác định được ngày 22/11/2015, ông T vay của ông Đ 20.000.000 đồng vào mục đích gì và bà L có biết việc ông T vay số tiền đó hay không. Do đó căn cứ vào giấy vay tiền xác định số tiền vay ngày 05/9/2015 là do ông T và bà L cùng vay nên đề nghị Hội đồng xét xử buộc vợ chồng ông T cùng trả số tiền 50.000.000 đồng. Riêng số tiền 20.000.000 đồng, chỉ có ông T ký nhận nợ nên chỉ buộc ông T trả số tiền 20.000.000 đồng cho ông Đ. Ghi nhận sự tự nguyện của ông T trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho vợ chồng ông V và bà L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

Về phần thủ tục: Xét thấy bị đơn ông V và bà L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án:

Tại phiên tòa, ông T yêu cầu vợ chồng ông V và bà L trả cho ông Đ số tiền 70.000.000 đồng đã vay và không yêu cầu tính lãi suất. Căn cứ vào giấy vay tiền ngày 05/9/2015 thể hiện vợ chồng ông V và bà L vay của ông Đ số tiền 50.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng, ông T và bà L cùng ký nhận nợ. Ngày 22/11/2015, ông T tiếp tục vay của ông Đ 20.000.000 đồng và ông T là người ký nhận nợ. Tuy nhiên trong giấy vay tiền không thể hiện mục đích vay tiền. Tại phiên tòa, ông T và bà L vắng mặt nên không xác định được ngày 22/11/2015, ông T vay của ông Đ 20.000.000 đồng vào mục đích gì và bà L có biết việc ông T vay số tiền đó hay không. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào giấy vay tiền xác định số tiền vay ngày 05/9/2015 là do ông T và bà L cùng vay nên buộc vợ chồng ông T cùng trả số tiền 50.000.000 đồng. Riêng số tiền 20.000.000 đồng, chỉ có ông T ký nhận nợ nên chỉ buộc ông T trả số tiền 20.000.000 đồng cho ông Đ.

Khi vợ chồng ông T vay tiền có thể chấp cho ông Đ 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00828 QSDĐ/5110541 do UBND huyện N cấp ngày 20/7/2004 đứng tên hộ ông V. Tại phiên tòa ông T tự nguyện trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho vợ chồng ông T nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện trên.

Về án phí: Ông V và bà L phải nộp 2.500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền nợ 50.000.000 đồng. Ông V phải nộp 1.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền nợ 20.000.000 đồng.

Hoàn lại cho ông Đ 2.500.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ Điều 26; Điều 35; Điều 147; Điều 227; Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 357; Điều 463; Điều 466; Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đ.

- Buộc ông V và bà L phải trả cho ông Đ số tiền 50.000.000 đồng (*Năm mươi triệu đồng*)

- Buộc ông V phải trả cho ông Đ số tiền 20.000.000 đồng (*Hai mươi triệu đồng*).

Quy định: Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải chịu thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì phải trả lãi theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015. Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

2. Ghi nhận sự tự nguyện của ông T về việc trả lại 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00828 QSDĐ/5110541 do UBND huyện N cấp ngày 20/7/2004 đứng tên hộ ông V cho ông V và bà L.

3. Về án phí: Ông V và bà L phải nộp 2.500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Ông V phải nộp 1.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho ông Đ 2.500.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND thị xã N;
- Chi cục THADS thị xã N;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hương